

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-PT

Ngày: 22/5/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Trung.

- Ông Vũ Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham dự phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2019/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2020/QĐPT- KDTM ngày 06/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: 442 N, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Huế.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đăng T, chức vụ: Nhân viên pháp lý chứng từ. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H (đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và không còn hoạt động).

Địa chỉ: 42/8 N, phường X, thành phố H.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn H, gồm:

Ông Lê Hồng Q; địa chỉ tại: 04 Kiệt 65 H, phường A, thành phố H. Có mặt.

Ông Trần Văn K; địa chỉ tại: 42/8 N, phường X, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Luật sư Trương Quang T; địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV X - số 167 Q, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần N; địa chỉ: 3/139 Đ, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

Bà Trương Thị Thúy H; địa chỉ: 3/139 Đ, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bà Trương Thị Thúy H là ông Trần Mẫn Đ; địa chỉ: 3/139 Đ, phường A, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần N: Luật sư Nguyễn Văn P; địa chỉ: Văn phòng Luật sư H - số 31 T, thành phố H. Có mặt.

Do có kháng cáo của ông Lê Hồng Q, ông Trần Văn K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bị đơn là Công ty TNHH H; kháng cáo của ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn H và Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Huế, đã ký kết Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số HUE.ND.01231012/HMCTD, ngày 24/10/2012; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUE.ND.01231012/HM, ngày 24/10/2012, với những nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Huế đã thực hiện giải ngân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H vay bổ sung vốn lưu động với 2 khế ước nhận nợ, cụ thể:

Khế ước nhận nợ số KUNN 01 ngày 24/10/2012, số tiền giải ngân 250.000.000đồng, thời hạn vay 6 tháng, kể từ ngày 24/10/2012, lãi suất vay trong hạn 16,92%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 24/4/2013 số nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Khế ước nhận nợ số KUNN 02 ngày 1/2/2013, số tiền giải ngân 1.750.000.000đồng, thời hạn vay 6 tháng, kể từ ngày 1/2/2013, lãi suất vay trong hạn 15,62%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 1/8/2013 số nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 22/12/2014 Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 605.059.028 đồng, lãi quá hạn 87.359.206 đồng. Tổng cộng 2.692.418.234 đồng.

Tính đến ngày xét xử 01/10/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 430.340.694 đồng, tiền lãi quá hạn 2.555.800.830 đồng. Tổng cộng 4.986.141.528 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Quyền sử dụng đất tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là 3/139 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P 390058, ngày 23/11/2011, cấp cho ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty trách nhiệm hữu hạn H vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo quy định của hợp đồng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Toà án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết các vấn đề sau:

-Yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, tính đến ngày xét xử là 4.986.141.528 đồng, trong đó, tiền lãi trong hạn 430.340.694 đồng, tiền lãi quá hạn 2.555.800.830 đồng. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên, yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm để thanh toán nghĩa vụ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là 3/139 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.

Phía bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H, có ông Lê Hồng Q đại diện trình bày: thừa nhận đã ký kết các hợp đồng hạn mức cấp tín dụng; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Huế, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng, số tiền này Công ty trách nhiệm hữu hạn H vay giúp cho ông Trần N, bà Trương Thị Thúy H và Công ty trách nhiệm hữu hạn K để đầu tư xây khách sạn Gold, hiện nay ông N, bà H và công ty K chưa trả lại tiền, nên Công ty trách nhiệm hữu hạn H không có tiền trả cho Ngân hàng, đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hiện nay Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào cuối năm 2015 và đã ngưng hoạt động từ đó đến nay.

Ông Trần Văn K trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn H do ông Trần Văn K và ông Lê Hồng Q là thành viên góp vốn. Ông K không biết khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần A như Ngân hàng khởi kiện, nên không chịu trách nhiệm về khoản vay này. Hiện nay Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào cuối năm 2015 và đã ngưng hoạt động từ đó đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Thúy H trình bày, bà công nhận có ký các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ thay cho bên thứ ba. Khoản vay này do Công ty trách nhiệm hữu hạn H vay giúp cho công ty trách nhiệm hữu hạn K, đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần A cơ cấu lại khoản vay để đảm bảo việc trả nợ và tránh xử lý tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần N trình bày: ông có ký vào các thủ tục vay nhưng không rõ nội dung do bà H là vợ ông yêu cầu ký, ông Ngô Phương Đ đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông để nhờ công ty nào đó vay thì ông không được biết, nhưng vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông, nên ông phải ký bảo lãnh, ông không trực tiếp vay, không trực tiếp nhận tiền, nên đề nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn H trả tiền vay cho Ngân hàng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông.

Người đại diện theo pháp luật của bà Trương Thị Thúy H là ông Trần Mẫn Đ trình bày: đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần A giảm lãi để bà H và ông N có điều kiện trả nợ, tránh xử lý tài sản thế chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần N trình bày: khoản vay này là do Công ty trách nhiệm hữu hạn H vay giúp cho Công ty TNHH K để trả lãi Ngân hàng đối những khoản vay trước đó, nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là vô hiệu do giả tạo và vi phạm điều cấm của pháp luật, đề nghị Tòa án xử lý hợp đồng vô hiệu.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 288, khoản 6 Điều 321, 335, 336, 339, 342, 463, 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2015; Điều 56, 58, 68 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Điều 19 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-2-2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điểm b Điều 3 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 4.986.141.528 đồng, trong đó tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 430.340.694 đồng, tiền lãi quá hạn 2.555.800.830 đồng, theo phần ông Lê Hồng Q 58,33%, ông Trần Văn K là 41,67%.

Ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 2/10/2019 đến khi thanh toán khoản nợ gốc này.

2. Trường hợp ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K không trả đủ nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên

Huế (nay là 3/139 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P 390058, ngày 23/11/2011, cấp cho ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Buộc ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.986.141 đồng, theo phần ông Lê Hồng Q 58,33%, ông Trần Văn K là 41,67%.

- Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 42.925.000 đồng theo biên lai thu tiền số 008170 ngày 23/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu 500.000 đồng, số tiền này đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định;

Ngày 16/10/2019, ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K là Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Bị đơn là Công ty TNHH H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án nên tuyên án là phát mãi tài sản thế chấp để thu nợ theo hợp đồng thế chấp tại ngân hàng. Công ty chúng tôi là Công ty trách nhiệm hữu hạn, do việc trên đã phải dừng không hoạt động và bị thu hồi giấy đăng ký kinh doanh. Đối tượng trả nợ cho ngân hàng là công ty chứ không phải cá nhân. Việc Tòa án tuyên buộc cá nhân ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K trả nợ là không đúng và không hợp lệ.

Ngày 16/10/2019, ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Kính đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và luật sư Trương Quang T đề nghị Hủy bản án sơ thẩm và giao toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn P và anh Trần Mẫn Đ đề nghị Hủy bản án sơ thẩm và giao toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Lê Hồng Q và ông Trần Văn K là người kế thừa quyền lợi nghĩa vụ của bị đơn; bác kháng cáo của ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Lê Hồng Q, ông Trần Văn K, ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUE.ND.01231012/HM, ngày 24/10/2012 mà Công ty TNHH H đã ký kết với Ngân hàng A để vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và Ngân hàng đã giải ngân theo đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là 3/139 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P 390058, ngày 23/11/2011, cấp cho ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện tại các bút lục số: 129 đến bút lục số 135 thì Tòa án nhân dân thành phố Huế đã có các công văn số: 381/CV-TA ngày 09/7/2018, công văn số: 42/CV-TA ngày 26/02/2019 và công văn số: 131/CV-TA ngày 21/6/2019 về việc: “Đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp thông tin liên quan đến đơn tố cáo của ông Trần N đối với bà Võ Thị Hoài P, bà Lê Thị Hồng D, ông Ngô Phương Đ và ông Trương Khắc S”. Trong quá trình giải quyết cơ quan Công an điều tra của tỉnh cũng có nhiều văn bản trả lời cho Tòa án, gần nhất công văn số: 131/CAT-PC46 ngày 17/7/2018 có nội dung: “...*Do tính chất phức tạp của vụ việc, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế đang tiến hành điều tra, xác minh các nội dung theo đơn tố cáo...*” (BL 130) và công văn số: 533/CSĐT-PC03 ngày 29/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục trả lời cho Tòa án là “...*đã được Thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra giao cho Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật...*”(BL 135).

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều xác định việc ông N có đơn tố cáo đối với bà Võ Thị Hoài P, bà Lê Thị Hồng D, ông Ngô Phương Đ và ông Trương Khắc S có liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là 3/139 Đặng Văn N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P 390058, ngày 23/11/2011, cấp cho ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.

Lẽ ra trong trường hợp này để giải quyết triệt để vụ án thì Tòa án cần phải xác minh làm rõ các mối quan hệ vay và thanh toán tiền vay, đồng thời cần phải chờ kết quả giải quyết cụ thể của cơ quan cảnh sát điều tra thuộc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế mới có cơ sở để tiếp tục giải quyết vụ án. Nhưng Tòa án lại đưa ra xét xử trong khi cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế đang thụ lý tiến hành điều tra, xác minh các nội dung tố cáo có liên quan đến vụ án là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 BLTTDS.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm đã có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông Lê Hồng Q, ông Trần Văn K, Ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H không phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày: 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: 442 N, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H (đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và không còn hoạt động).

Địa chỉ: 42/8 N, phường X, thành phố H.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn H, gồm:

Ông Lê Hồng Q; địa chỉ tại: 04 Kiệt 65 H, phường A, thành phố H.

Ông Trần Văn K; địa chỉ tại: 42/8 N, phường X, thành phố H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần N; địa chỉ: 3/139 Đ, phường A, thành phố H.

Bà Trương Thị Thúy H; địa chỉ: 3/139 Đ, phường A, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của bà Trương Thị Thúy H là ông Trần Mẫn Đ; địa chỉ: 3/139 Đ, phường A, thành phố H.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hồng Q, ông Trần Văn K, ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H không phải chịu, hoàn trả cho mỗi người số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 008848 ngày 24/02/2020, biên lai thu tiền số 008855 ngày 04/11/2019; cùng các biên lai thu tiền số 008851 và số 008852 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế ;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Hưng Bính**